

TÁC ĐỘNG CỦA GIA ĐÌNH ĐẾN KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

ThS. ĐỖ ĐÌNH THÁI
Trường Đại học Sài Gòn

Gia đình là một đơn vị xã hội, hình thức tổ chức quan trọng của sinh hoạt cá nhân. Gia đình là môi trường cơ sở, đầu tiên có vị trí quan trọng và ý nghĩa lớn lao đối với quá trình hình thành và phát triển trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân.

Giáo dục hình thành các giá trị ở con người trước hết từ gia đình. Thông qua việc cá nhân học tập, rèn luyện, con đường quan trọng để lĩnh hội các giá trị là tự học, tự nghiên cứu, tự suy nghĩ, phân tích để rút ra kinh nghiệm, bài học có giá trị để hình thành nên những giá trị cho riêng mình.

Môi trường gia đình có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển nhân cách con người. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục gia đình là kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động. Bầu không khí tâm lý trong gia đình là yếu tố “môi trường sạch” trong giáo dục gia đình [1].

Theo GS. TSKH. Thái Duy Tuyên: Ảnh hưởng của gia đình gồm ảnh hưởng của môi trường vật chất và ảnh hưởng của văn hóa tinh thần đều có ảnh hưởng sâu sắc đến người giáo dục và người được giáo dục [4].

Nói đến các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên (SV), kết quả tuyển sinh đại học (TSDH), chất lượng đào tạo, đã có nhiều công trình nghiên cứu về các yếu tố tác động như yếu tố gia đình, xã hội, văn hóa, đạo đức,...

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung xem xét và phân tích một số yếu tố có ý nghĩa như sau: Điều kiện học tập ở nhà; Sự quan tâm của cha mẹ đến việc con mình thi vào đại học (ĐH) đã chọn; Thành phần gia đình; Đời sống gia đình; Sự kiểm tra, đôn đốc của cha mẹ; Phương pháp giáo dục của cha mẹ. Các yếu tố nào tác động đến kết quả TSDH? Và tác động như thế nào? Sau đây chúng tôi xin trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát 834 SV bằng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu (PVS) 12 SV năm thứ 1 và năm thứ 2 các khối A, B, C và D1.

Sau đây, chúng tôi phân tích một số thông tin thu thập được về môi trường gia đình.

Hộp 1. PVS về Môi trường gia đình

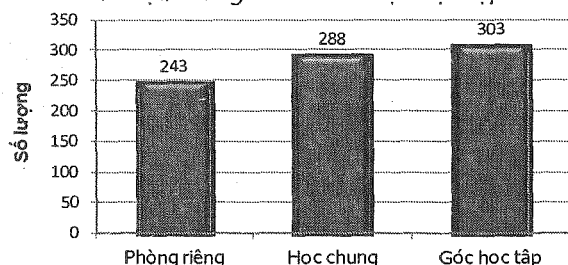
Trích thông tin PVS từ 12 SV:

- SV1: gia đình em ủng hộ, tạo điều kiện và môi trường lành mạnh để em có thể học tập tốt.
- SV2: rất quan trọng, nếu không có gia đình làm chỗ dựa thì khó có thể hoàn thành tốt việc học tập của em.
- SV3: học tập là danh dự cho gia đình.
- SV4: có tác động nhưng không nhiều.
- SV5: những yếu tố ngoại cảnh bao giờ cũng ảnh hưởng một phần nào đó, gia đình và môi trường xã hội cũng vậy. Gia đình em luôn ủng hộ và tạo điều kiện cho em học tập.
- SV6: có tác động rất lớn đối với bản thân.
- SV7: gia đình động viên trong việc học tập và môi trường xã hội có liên quan mật thiết đến việc học tập, nếu môi trường xã hội tốt tạo điều kiện học tập tốt.
- SV8: gia đình là một trong những động lực để em cố gắng học tốt.
- SV9: có ảnh hưởng nhưng chỉ là một phần nhỏ.
- SV10: gia đình là động lực thúc đẩy, bồi dưỡng những gì nhà trường không dạy.
- SV11: gia đình tác động rất lớn trong suốt quá trình học tập của em, cha mẹ thường xuyên quan tâm nhắc nhở.
- SV12: gia đình luôn động viên em phải cố gắng học tập để không cực nhọc như cha mẹ.

1. Điều kiện học tập ở nhà

Ở yếu tố này, chúng tôi khảo sát 3 nội dung về điều kiện học tập ở nhà là: Phòng riêng; Học chung với anh, chị, em và Góc học tập. Qua số liệu thu thập được, nhìn chung, điều kiện học tập ở nhà phân bố khá đồng đều ở 3 vị trí học tập: có phòng riêng 29.2%; học chung với anh, chị, em 34.5%; góc học tập 36.3% (Hình 1).

Hình 1. Số liệu thống kê về điều kiện học tập ở nhà



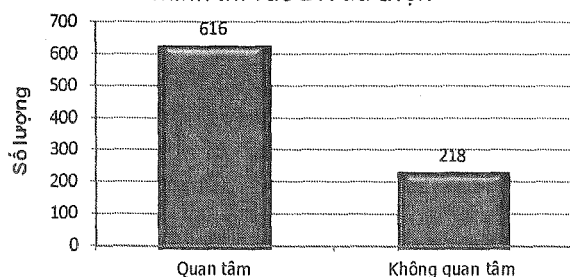
Trong các điều kiện học tập ở nhà, góc học tập chiếm tỉ lệ cao nhất, có thể góc học tập là điều kiện mà cha mẹ HS thường sử dụng cho con em họ để họ có thể giám sát chặt chẽ thời gian học tập của con mình. Ngoài ra, yếu tố học chung với anh, chị, em cũng là hình thức học tập hỗ trợ lẫn nhau của anh em trong gia đình.

2. Cha mẹ quan tâm đến việc con mình thi vào ĐH đã chọn

Có đến 616 / 834 (73.9%) phụ huynh quan tâm đến việc học sinh (HS) thi vào trường ĐH đã chọn. Điều này có tác động rất lớn đến động cơ thi vào ĐH của HS. Từ sự quan tâm như vậy dẫn đến động viên, đôn đốc và kiểm tra việc học tập của HS. 219 phụ huynh còn lại có thể chỉ quan tâm đến việc HS thi đậu ĐH theo ngành nghề mong muốn hơn là quan tâm HS trúng tuyển vào một trường ĐH cụ thể nào (hình 2).

Ngoài ra, thông tin thu thập được còn chỉ ra tỉ lệ SV có cha mẹ quan tâm ở nhóm tổng điểm TSDH từ 21 điểm trở lên (ĐTB mỗi môn đạt loại khá) là cao nhất (84.4%), từ 18 đến 20.75 điểm (ĐTB mỗi môn đạt TBKhá) là 75.3%, từ 15 đến 17.75 điểm (ĐTB mỗi môn đạt TB) là 73.3% và dưới 15 điểm (ĐTB mỗi môn chưa đạt ĐTB) là 71.1%.

Hình 2. Số liệu thống kê về cha mẹ quan tâm việc con mình thi vào ĐH đã chọn



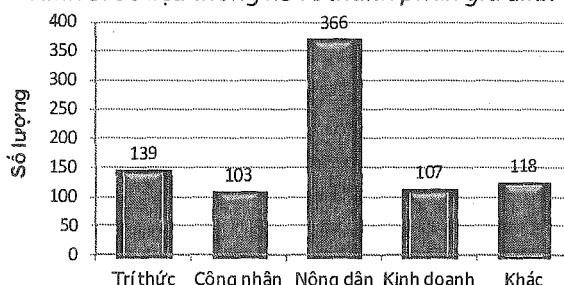
Anne T. Henderson và Karen L. Mapp (2002) nói rằng "Một khi gia đình là nền tảng vững chắc trong việc học tập sẽ định hướng cho HS học tập tốt hơn ở trường, dành nhiều thời gian ở trường

hơn và theo đuổi con đường vào ĐH". Ngoài ra, 2 tác giả trên còn chỉ ra một số nghiên cứu cho thấy "các HS đạt thành tích cao trong học tập là có sự động viên của gia đình, cha mẹ luôn trò chuyện với HS về chủ đề nhà trường, giúp HS định hướng vào ĐH, giám sát việc học và làm bài tập ở nhà". Vì vậy, yếu tố cha mẹ quan tâm đến việc HS thi vào ĐH đã chọn có tác động mạnh đến kết quả TSDH.

3. Thành phần gia đình

Nghiên cứu khảo sát thành phần gia đình gồm 5 nội dung: Trí thức, Công nhân, Nông dân, Kinh doanh và Khác. Số liệu thu thập được thể hiện ở hình 3.

Hình 3. Số liệu thống kê về thành phần gia đình

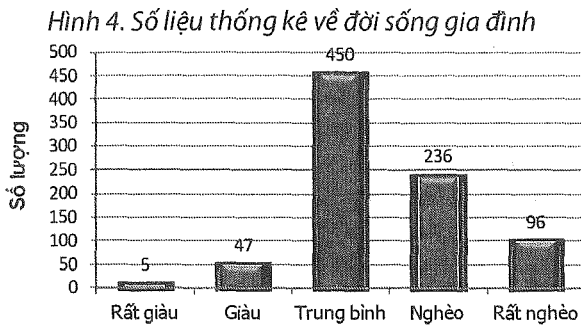


Hình 3 thể hiện phần lớn thành phần gia đình của SV trước khi thi vào ĐH là nông dân, chiếm 43.9%, các thành phần còn lại phân bố đều trong 56.1%. Điều này cũng thể hiện phần lớn HS thuộc gia đình nông dân nỗ lực học tập để thi đậu vào ĐH. Đây còn là tư tưởng, ý chí phấn đấu của các gia đình nông dân mong cho con của họ học tập nên người thoát khỏi cảnh nghèo, cơ cực của nghề nông để có một tương lai tươi sáng hơn. Yếu tố này tác động gián tiếp đến điểm TSDH qua các yếu tố ý chí quyết tâm, nỗ lực trong học tập, động viên của gia đình...

4. Đời sống gia đình

Yếu tố đời sống gia đình khảo sát trên thang đo likert 5 mức độ: Rất giàu, Giàu, Bình thường, Nghèo và Rất nghèo. Kết quả khảo sát cho thấy có 93.8% đời sống gia đình của SV trước khi thi vào ĐH ở mức độ từ "Bình thường" đến "Rất nghèo" (hình 4), trong đó cao nhất là đời sống ở mức trung bình là 54.0%, tiếp theo là nghèo 28.30% và rất nghèo là 11.51%, trong khi "Rất giàu" và "Giàu" chỉ chiếm 6.2%. Số liệu này cũng thể hiện khả năng nghèo vượt khó của HS để tìm cho mình tương lai tốt đẹp hơn. Ở đây cũng không thể nói rằng HS con nhà nghèo học giỏi hơn con nhà giàu mà thể hiện mạnh mẽ nhất là ý chí học tập của những HS có gia cảnh khó khăn, kém may mắn, luôn nuôi ý chí quyết tâm học hành thành đạt để tích lũy kiến thức và thay đổi cuộc

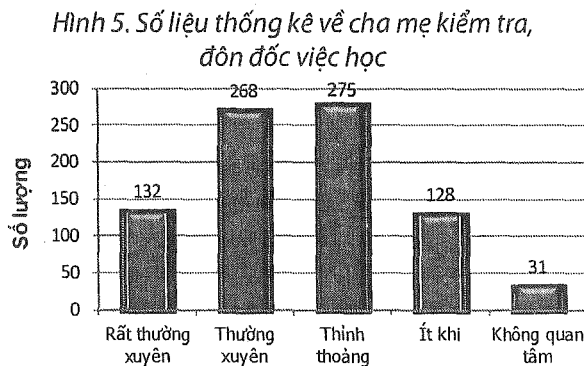
sống. Nghiên cứu của Ram Chandra Pokharel [7] cho thấy “SV thuộc gia đình nghèo có kết quả học tập tốt hơn ở ĐH Tribhuvan”.



5. Cha mẹ kiểm tra, đôn đốc việc học tập của con

Để khảo sát yếu tố này, chúng tôi thực hiện khảo sát trên thang đo likert 5 mức độ: Rất thường xuyên, Thường xuyên, Thỉnh thoảng, Ít khi và Không quan tâm. Có đến 48% cha mẹ kiểm tra, đôn đốc việc học tập của HS ở mức độ “Rất thường xuyên” và “Thường xuyên”, mức độ “Thỉnh thoảng” 33.0%, mức độ “Ít khi” chiếm 15.3% và mức độ “Không quan tâm” chiếm tỉ lệ rất nhỏ 3.7%, (hình 5).

Nhìn chung trên 70% cha mẹ có quan tâm kiểm tra, đôn đốc việc học tập của HS. Yếu tố này cũng tác động tích cực đến kết quả TSDH của SV.



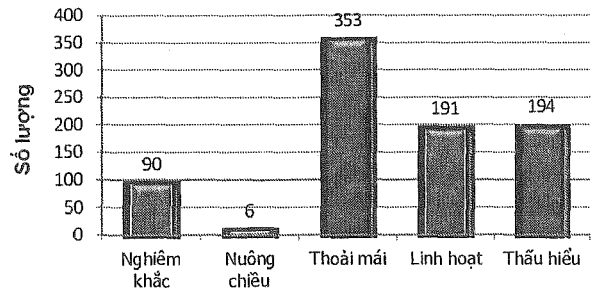
6. Phương pháp giáo dục của cha mẹ

Với yếu tố phương pháp giáo dục của cha mẹ, chúng tôi khảo sát 5 nội dung: Thấu hiểu; Linh hoạt; Thoải mái; Nuông chiều và Nghiêm khắc.

Kết quả thu thập được khá bất ngờ khi có đến 42.33% phương pháp giáo dục của cha mẹ là “Thoải mái”, đây có phải là “Cha mẹ để HS tự do trong học tập theo cách riêng của chúng nhưng có kiểm soát không?” Hay “Thoải mái” là “Để kệ con, làm gì thì làm, học gì thì học không quan tâm miễn sao học tập có kết quả tốt”. Đó là vấn đề đặt

ra về phương pháp giáo dục của cha mẹ, nhưng cũng phải thừa nhận rằng, đối tượng khảo sát là SV ĐH (đã trúng tuyển) nên 42.33% phương pháp giáo dục “Thoải mái” vẫn mang tính tích cực, nghĩa là phương pháp giáo dục của cha mẹ là thoải mái nhưng có kiểm soát. Phương pháp giáo dục “Linh hoạt” chiếm 22.90% và “Thấu hiểu” 23.26%. Phương pháp giáo dục “Nuông chiều” chiếm rất thấp 0.72% và “Nghiêm khắc” chiếm 10.79% (hình 6).

Hình 6. Số liệu thống kê về phương pháp giáo dục của cha mẹ



Từ kết quả nhận được, có thể nhận ra rằng không phải giáo dục của cha mẹ nghiêm khắc là đạt kết quả học tập tốt. Giáo dục nghiêm khắc dễ dẫn đến phương pháp giáo dục mang tính chủ quan, không hiểu hết được trạng thái, suy nghĩ của HS. Phương pháp giáo dục “Thoải mái”, “Linh hoạt”, “Thấu hiểu” tạo cho HS cảm giác thoải mái, năng động, tự tin trong học tập, có tác động tích cực đến kết quả học tập, kết quả TSDH. Vì vậy, qua kết quả khảo sát, cha mẹ cần phải tăng cường giáo dục HS theo hình thức tích cực trên để HS có thể đạt được kết quả tốt. Trong đề xuất về cải tiến chất lượng cuộc sống để tăng thành tích học tập của Jeffrey H. D. Cornelliuss-White có nội dung “Động viên cha mẹ của SV theo đuổi năng lực giáo dục của chính bản thân SV” cho thấy tầm quan trọng của giáo dục gia đình, đặc biệt là giáo dục của cha mẹ tác động đến thành tích học tập của SV.

Tóm lại, sau khi thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu, chúng tôi nhận thấy rằng các yếu tố nêu trên đều có ít nhiều tác động đến kết quả TSDH. Phần lớn cha mẹ đều quan tâm, kiểm tra, đôn đốc việc học của con mình cũng như tạo điều kiện học tập tốt tại nhà. Kết quả nghiên cứu cho thấy gần một nửa SV trước khi thi vào ĐH có thành phần gia đình là nông dân, yếu tố này thể hiện tính tích cực của SV vượt khó học tập để tiến vào con đường ĐH.

Ngoài ra, phương pháp giáo dục của cha mẹ

là "thoải mái" cũng chiếm gần một nửa số liệu thu thập được, yếu tố này nói lên phương pháp giáo dục của cha mẹ là thoải mái nhưng có kiểm soát nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho con mình học tập, không căng thẳng, gò ép.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hồng Quang, *Môi trường giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
2. Phạm Văn Quyết, *Thiết kế công cụ đo lường và khảo sát chọn nghiên cứu định lượng*, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2009.
3. Phạm Văn Quyết, PGS.TS Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội, 2001.
4. Thái Duy Tuyên, *Triết học giáo dục Việt Nam*, NXB ĐH Sư phạm, Hà Nội, 2007.
5. Anne T. Henderson và Karen L. Mapp, *The Impact of School, Family, and Community Connections on Student Achievement*, Annual Synthesis, National Center for Family & Community Connections with Schools, Texas, 2002.

6. Jeffrey H. D. Cornelius-White, Aida C. Garza và Ann T. Hoey, *Personality, Family Satisfaction, and Demographic Factors That Help Mexican American Students Succeed Academically*, Journal of Hispanic Higher Education, Vol. 3, No. 3, p.270 – 283, 2004.

7. Ram Chandra Pokharel, *Factors Influencing Examination Results in Higher Education for Maximizing Validity and Improving Students' Pass Rate in Examination System of Tribhuvan University*, Nepal, 2008.

SUMMARY

The article presents survey findings in respect of key factors on family which are likely to support students in successfully enrolling into university (i.e. impacts of these factors to performance of university entrance exams). Based on this, the author analyzes the extent to which these factors would give impact to performance in order to clarify roles played by family in terms of supporting their children to get admitted into university.

BÀN VỀ MÔ HÌNH RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ... (Tiếp theo trang 43)

a) Điều chỉnh các môn học có liên quan, tập trung vào việc chuẩn bị cho sinh viên tự rèn luyện các kĩ năng và nghiệp vụ sư phạm dưới dạng quy trình nhằm giúp sinh viên có thể tự RLNVSP;

b) Xây dựng được bộ chuẩn nghiệp vụ theo yêu cầu của mô hình RLNVSP;

c) Hình thành đội ngũ cố vấn hoạt động RLNVSP có năng lực, có uy tín nhằm hỗ trợ quá trình tự rèn luyện của sinh viên. Đội ngũ cố vấn RLNVSP cần thiết phải có các giáo viên phổ thông tham gia.

d) Xây dựng được sổ tay RLNVSP để có thể cá nhân hoá quá trình đào tạo; cụ thể hoá quy trình RLNVSP trong hai giai đoạn RLNVSP thường xuyên và thực tập sư phạm; theo dõi, ghi nhận kết quả rèn luyện và tôn vinh các giảng viên, giáo viên hướng dẫn.

3. Kết luận

Mô hình RLNVSP đề cao và tôn trọng quá trình tự rèn luyện của sinh viên, chú ý tới vai trò của các trường phổ thông trong việc tạo ra môi trường RLNVSP đáp ứng nhu cầu của người học. Với mô hình này, chúng tôi mong muốn trong một tương lai gần, các giáo viên phổ thông, mầm non, thông qua quá trình hợp tác đào tạo sẽ trở thành các giảng viên đích thực cùng tham gia hoạt động đào tạo

giáo viên của các trường/khoa sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Kim Anh, *Đổi mới rèn luyện nghiệp vụ sư phạm – giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên*, Tạp chí Giáo dục số 269, 2001.

2. Nguyễn Kim Hồng, *Về nghiệp vụ sư phạm trong các trường đào tạo giáo viên hiện nay*, Hội thảo "Nâng cao chất lượng NVSP cho sinh viên các trường đại học sư phạm, ĐH SP Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Văn Tụ, *Thực trạng và những định hướng trong công tác đào tạo nghề ở các trường đại học sư phạm*, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng – Số 2(37), 2010.

SUMMARY

This article discusses the requirements for the activities of equipping pedagogical competences in accordance with the accredited training system to propose models of pedagogical competences at the teacher training institutions under new circumstances.